| | |
|---|---|
| UBND TỈNH THÁI NGUYÊN<br>**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1884 /QĐ-SNNMT | *Thái Nguyên, ngày 23 tháng 10 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công viên nghĩa trang Minh Đức tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên**

## GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;*

*Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên*

*Căn cứ Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện việc tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 24/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 1413/QĐ-SNNMT ngày 04/9/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phân công nhiệm vụ Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN tại Văn bản số 52/CV-TAH ngày 21/10/2026 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Văn bản số 1539/CCBVMT-CM ngày 23/10/2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công viên nghĩa trang Minh Đức (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2**. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Trung tâm TT&DV sự nghiệp tỉnh (đăng tải);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- TT Khuyến nông (đăng tải);
- Lưu: VT, BVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

**Nguyễn Văn Minh**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
**của Dự án Công viên nghĩa trang Minh Đức tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên**

*(Kèm theo Quyết định số 1884/QĐ-SNNMT ngày 23tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên)*

## 1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Công viên nghĩa trang Minh Đức

- Địa điểm thực hiện dự án: Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN.

- Dự án đầu tư Công viên nghĩa trang Minh Đức được UBND thành phố Phổ Yên phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nghĩa trang tâm linh mới ở Minh Đức, thành phố Phổ Yên tại Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 14/02/2025; được UBND tỉnh Thái Nguyên chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 và chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Quy mô, công suất

Quy mô của dự án theo chủ trương đầu tư tại Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của UBND tỉnh và hồ sơ dự án như sau:

- Quy mô diện tích sử dụng đất là 509.827,33$m^2$ (50,98ha), gồm: Diện tích đất nghĩa trang là 480.713,03$m^2$ và diện tích khu vực giao thông đấu nối là 29.114,3$m^3$, trong đó:

+ Diện tích đất xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với diện tích 239.129,38$m^2$. Trong đó, đối với khu vực giao thông đấu nối với diện tích là 29.114,3$m^2$ được Chủ dự án đầu tư xây dựng đồng bộ tuyến đường giao thông và cây xanh theo quy hoạch sau đó bàn giao cho Nhà nước quản lý.

+ Diện tích khu đất mai táng (cát táng) là 239.844,06$m^2$ (gồm: 207.822,08$m^2$ khu nghĩa trang xây dựng mới và 32.021,26$m^2$ khu vực nghĩa trang dành cho đối tượng chính sách). Trong đó, đối với khu vực nghĩa trang dành cho đối tượng chính sách được Chủ dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ hạ tầng kỹ thuật sau đó bàn giao cho Nhà nước quản lý.

+ Diện tích đất xây dựng công trình dịch vụ là 30.853,89$m^2$, gồm: 753,05$m^2$ đất công trình phụ trợ và dịch vụ khác; 6.601,9$m^2$ đất xây dựng cơ sở hoả táng; 1963,5$m^2$ đất công trình xây dựng tháp lưu giữ tro cốt lâu dài; 18.473,39$m^2$ đất xây dựng công trình văn hoá, tâm linh và 3.062,05$m^2$ đất xây dựng công trình tưởng niệm, thờ cúng.

- Quy mô hỏa táng: Gồm 05 lò hỏa táng (sử dụng lò hỏa táng Mecs Miyamoto, sử dụng nhiên liệu khí gas và lắp đặt đồng bộ hệ thống xử lý khí thải).

- Quy mô chôn cất (cát táng): Khoảng 47.980 ngôi mộ, trong đó gồm: 41.564 ngôi mộ tại khu nghĩa trang xây dựng mới và 6.404 ngôi mộ tại khu nghĩa trang dành cho đối tượng chính sách (diện tích mộ cát táng tiêu chuẩn là $5m^2$/mộ).

1.3. Phạm vi

1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư

Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 và hồ sơ thiết kế dự án trên diện tích 509.827,33$m^2$, trong đó gồm:

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với diện tích 239.129,38$m^2$, gồm: Hệ thống giao thông, san nền, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước thải và xử lý nước thải; hệ thống cấp điện (Trạm biến áp + điện công cộng dịch vụ + điện chiếu sáng); hệ thống thông tin liên lạc, bãi đỗ xe, khuôn viên cây xanh, mặt nước.

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu vực nghĩa trang với diện tích là 239.844,06$m^2$ gồm khoảng 47.980 ngôi mộ, trong đó gồm: 41.564 ngôi mộ tại khu nghĩa trang xây dựng mới và 6.404 ngôi mộ tại khu nghĩa trang dành cho đối tượng chính sách.

- Nhà hỏa táng: Xây dựng trên lô đất diện tích 6.601,9$m^2$ với diện tích xây dựng là 1.980,6$m^2$ gồm 01 tầng với 4 không gian chính: Khu sảnh và lối đi có diện tích 407$m^2$, khu hành lễ diện tích 550$m^2$, khu lò hỏa táng diện tích 765$m^2$ (bố trí 05 lò hỏa táng) và khu kỹ thuật có diện tích 220$m^2$.

- Tháp lưu tro: Xây dựng trên lô đất diện tích 1.963,5$m^2$ với diện tích xây dựng 1.529$m^2$, cao 13 tầng.

- Miếu thần linh: Diện tích xây dựng 64$m^2$, chiều cao 6,45m.

- Nhà hàng: Diện tích xây dựng 186$m^2$, 01 tầng (bố trí các dịch vụ ăn uống cho gia quyến).

- Nhà vệ sinh: Diện tích xây dựng 112$m^2$, 01 tầng.

- Chòi nghỉ: Tổng diện tích xây dựng 28,3$m^2$.

- Nhà dịch vụ: Diện tích xây dựng 425,1$m^2$, 02 tầng.

- Nhà hành chính: Diện tích xây dựng 62$m^2$, 01 tầng.

- Nhà niệm: Diện tích xây dựng 196,8$m^2$, 01 tầng.

- Nhà tâm linh: Diện tích xây dựng 62$m^2$, 01 tầng.

- Các công trình phụ trợ khác như nhà bảo vệ, tường rào, cổng ra vào, khu bồn gas, bể chứa nước ngầm, bể PCCC,…

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường gồm:

+ Hệ thống thu gom và thoát nước mưa gồm: Cống tròn D300-D600, cống hộp B400 với tổng chiều dài 7.345m, trên hệ thống bố trí các hố ga lắng cặn và bố trí 14 cửa xả nước mưa từ dự án ra môi trường.

+ Hệ thống thu gom và thoát nước thải: Hệ thống thoát nước mưa và nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn, sử dụng ống HDPE D200 với tổng chiều dài 2.634m để thu gom nước thải từ các bể tự hoại về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung công suất 220$m^3$/ngày đảm bảo nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

+ Hệ thống xử lý khí thải: 05 hệ thống xử lý khí thải đồng bộ với 05 lò hỏa táng, công suất 6.000$m^3$/giờ/hệ thống, đảm bảo khí thải sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2024/BTNMT (cột A, Bảng 1 và cột A, Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

+ Trang bị các thùng chứa loại 50 lít để thu gom rác thải sinh hoạt và 01 khu tập kết rác thải diện tích 36$m^2$; bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 10$m^2$.

1.3.2. Các hoạt động của dự án đầu tư

1.3.2.1. Các hoạt động của Dự án trong gia đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng trên diện tích 509.827,33$m^2$ (50,98ha); hoạt động phá dỡ 24 công trình nhà tạm, 37 công trình nhà ở cấp IV và di rời 03 khu nghĩa trang hiện hữu với tổng diện tích khoảng 4.208$m^2$ với tổng số khoảng 80 ngôi mộ về khu vực nghĩa trang hiện hữu trong diện tích quy hoạch đã được phê duyệt.

- Hoạt động hạ ngầm tuyến đường dây điện 35kV đoạn đi qua dự án.

- Hoạt động nắn chỉnh khoảng 1,2km suối hiện trạng phía Đông Bắc dự án có bề rộng mặt nước từ 2-3m bằng kênh đất có mặt cắt hình thang bxHxB = (2x2x6)m, dài khoảng 825m nằm sát ranh giới phía Đông Bắc của dự án.

- Hoạt động xây dựng khoảng 400m kênh thủy lợi bằng kênh bê tông B400 phục vụ cấp nước cho khu vực có diện tích khoảng 4,43ha.

- Hoạt động san nền tạo mặt bằng và thi công xây dựng công trình của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường, gồm:

- Hoạt động san nền trên diện tích 509.827,33$m^2$, hoạt động đào đắp trong thi công xây dựng phát sinh đất đào; đất bóc hữu cơ và bùn.

- Hoạt động vận chuyển vật liệu, chất thải phá dỡ công trình ra ngoài phạm vi dự án; vận chuyển đất đào đắp và vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng phục vụ dự án.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.

1.3.2.2. Các hoạt động của Dự án trong gia đoạn vận hành

- Hoạt động vận hành của lò hỏa táng.

- Hoạt động chôn cất tại khu nghĩa trang cát táng.

- Hoạt động của cán bộ công nhân làm việc phục vụ nghĩa trang và người thân ra vào nghĩa trang.

1.3.2.3. Các hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi dự án

- Hoạt động đền bù bù giải phóng mặt bằng đối với 03 hộ dân nằm trong phần diện tích 7,53ha thuộc phạm vi quy hoạch đã được phê duyệt để đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường 500m từ vị trí dự kiến lắp đặt lò hoả táng.

- Hoạt động của khu vực nghĩa trang dành cho đối tượng chính sách được Chủ dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ hạ tầng kỹ thuật sau đó bàn giao cho Nhà nước quản lý.

- Hoạt động của đường giao thông và cây xanh theo quy hoạch sau xây dựng hoàn chỉnh và bàn giao cho Nhà nước quản lý.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 49/VBHN-BNNMT ngày 17/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

1.6. Dự án thuộc danh mục phân loại xanh

Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng trên diện tích khoảng 509.827,33$m^2$ ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân do thu hồi đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm,... của các hộ dân trong phạm vi dự án.

- Hoạt động phá dỡ 24 công trình nhà tạm, 37 công trình nhà ở cấp IV và di rời 03 khu nghĩa trang hiện hữu với tổng diện tích khoảng 4.208$m^2$ với tổng số khoảng 80 ngôi mộ về khu vực nghĩa trang hiện hữu trong diện tích quy hoạch đã được phê duyệt ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, tín ngưỡng, tâm linh của người dân.

- Hoạt động hạ ngầm tuyến đường dây điện 35kV đoạn đi qua dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến đời sống nhận dân và hoạt động sản xuất.

- Hoạt động nắn chỉnh khoảng 1,2km suối hiện trạng phía Đông Bắc dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng thoát nước, nguy cơ gây úng ngập tại khu vực.

- Hoạt động thi công san nền thực hiện dự án nguy cơ ảnh hưởng khả năng cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp đối với diện tích khoảng 4,43ha.

- Hoạt động thi công san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình; vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc, phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển; phát sinh chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn cuốn theo chất ô nhiễm tác động đến môi trường.

- Hoạt động vận hành của Công viên nghĩa trang Minh Đức phát sinh khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt nếu không có phương án quản lý, thu gom và xử lý theo quy định.

**3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

3.1.1.1. Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải

- Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải: Phát sinh khoảng 7,5$m^3$/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ ($BOD_5$, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi khuẩn gây bệnh...

- Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn đất.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh các máy móc, thiết bị thi công khoảng 2$m^3$/ngày; nước thải từ hoạt động rửa bánh xe khoảng 25$m^3$/ngày. Thành phần chủ yếu gồm bùn đất, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng...

3.1.1.2. Nguồn phát sinh, tính chất của khí thải

- Bụi, khí thải từ hoạt động đào đắp nền, hoạt động xây dựng công trình và hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công, vận chuyển đất đào đắp, nguyên vật liệu, chất thải bỏ ảnh hưởng đến các đối tượng và môi trường xung quanh. Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, $NO_x$, $SO_2$.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.1.2.1. Nguồn phát sinh chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công, xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị khoảng 150kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, túi nilon, vỏ chai...

- Chất thải rắn từ quá trình dọn dẹp mặt bằng khoảng 170 tấn. Thành phần chủ yếu là rơm rạ, thân, gốc, lá, rễ của sinh khối thực vật.

- Chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng (di dời 03 khu nghĩa trang hiện hữu với tổng diện tích khoảng 4.208$m^2$ với tổng số khoảng 80 ngôi mộ; phá dỡ 24 công trình nhà tạm, 37 công trình nhà ở cấp IV) khoảng 4.225tấn. Thành phần chủ yếu gồm gạch, bê tông, gỗ, đầu mẩu sắt thép....

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng khoảng 525 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Đất, cát, sỏi rơi vãi, gạch vỡ, vỏ bao xi măng, vữa thừa, cốp pha, đầu mẩu sắt, thép.

3.1.2.2. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng khoảng 40kg/tháng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì nhựa cứng (chứa chất thải nguy hại) thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; que hàn thải; dụng cụ quét sơn; bao bì mềm (chứa chất thải nguy hại),…

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công xây dựng; hoạt động vận chuyển đất, nguyên vật liệu, chất thải bỏ phát sinh tiếng ồn và độ rung chủ yếu ảnh hưởng trong phạm vi công trường thi công; có nguy cơ ảnh hưởng đến các nhà dân dọc theo các tuyến đường vận chuyển và xung quanh khu vực thực hiện dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng trên diện tích khoảng 509.827,33$m^2$ ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân do thu hồi đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm,... của các hộ dân trong phạm vi dự án.

- Hoạt động thi công san nền phát sinh đất bóc hữu cơ và bùn với tổng khối lượng khoảng 95.400$m^3$; phát sinh khối lượng đất đào khoảng 2.768.145$m^3$.

- Hoạt động hạ ngầm tuyến đường dây điện 35kV đoạn đi qua dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến đời sống nhận dân và hoạt động sản xuất do cắt điện.

- Nguy cơ ngập úng cục bộ tức thời tại khu vực dự án và xung quanh do hoạt động nắn chỉnh, hoàn trả suối hiện trạng phía Đông Bắc dự án với chiều dài khoảng 1,2km, bề rộng mặt nước từ 2-3m và hoạt động san lấp mặt bằng, tập kết vật liệu thi công có nguy cơ trượt sạt đất, vật liệu thi công xuống suối hiện trạng chạy qua phạm vi dự án và hồ Cô Vinh tiếp giáp dự án; nguy cơ xói, lở, bồi, lắng suối hiện trạng khi nắn chỉnh,....

- Hoạt động thi công san nền thực hiện dự án nguy cơ ảnh hưởng khả năng cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp đối với diện tích khoảng 4,43ha.

- Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là bùn đất, chất rắn lơ lửng chảy vào suối hiện trạng đoạn chạy qua dự án có nguy cơ gây bồi lấp suối hiện trạng ảnh hưởng đến đến khả năng thoát nước, nguy cơ ngập ứng tại khu vực.

- Gia tăng ùn tắc giao thông, xuống cấp các tuyến đường giao thông, ảnh hưởng đến đi lại của người dân khu vực dự án do hoạt động vận chuyển vật liệu phá dỡ, vận chuyển đất, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

3.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

Phát sinh khoảng 215$m^3$/ngày. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ ($BOD_5$, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi khuẩn gây bệnh...

3.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hỏa táng, thành phần ô nhiễm bao gồm: Bụi tổng, CO, $SO_2$, $NO_x$.

- Hơi khí thải phát sinh chủ yếu hoạt động của trạm XLNT; mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu chứa rác thải sinh hoạt.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên tại dự án: Phát sinh khoảng 75kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ và vô cơ (thức ăn thừa, vỏ lon, nilong,...).

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thăm viếng nghĩa trang, hoạt động mai táng: Phát sinh khoảng 360kg/ngày, chủ yếu là vòng hoa, tiền vàng, cốc nến, bao bì nilon, bìa carton,….

- Tro xỉ thải phát sinh từ lò hỏa táng (đã tách riền tro cốt) với khối lượng khoảng 25.550kg/năm.

- Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải và hệ thống thoát nước khối lượng khoảng 4.925kg/năm; vật liệu lọc thải từ hệ thống xử lý nước thải100kg/năm.

- Chất thải nguy hại: Phát sinh từ hoạt động của dự án với khối lượng 203kg/năm. Thành phần: giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải, than hoạt tính sau hấp phụ khí thải và bể lọc áp lực của trạm XLNT.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thiết bị của trạm XLNT, hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT, trạm bơm cục bộ nước thải và hoạt động của máy phát điện dự phòng.

3.2.4. Các tác động khác

- Nguy cơ ngập úng cục bộ nếu suối hiện trạng sau nắn chính và hệ thống thoát nước của khu vực bị tắc hoặc không đảm bảo đáp ứng việc tiêu thoát nước.

- Sự cố trạm XLNT; sự cố hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT; các rủi ro, sự cố khác.

**4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bố trí nhà vệ sinh lưu động tại khu vực công trường để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Bố trí 01 cầu rửa bánh xe và 01 hố lắng nước rửa bánh xe dung tích 30$m^3$ tại vị trí ra vào công trường để lắng nước thải từ quá trình rửa bánh xe và vệ sinh các máy móc, thiết bị thi công, có đệm thấm hút dầu; nước sau khi lắng được sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường; định kỳ thay miếng đệm thấm hút dầu và quản lý theo chất thải nguy hại.

- Giai đoạn vận hành: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động trong phạm vi dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 220$m^3$/ngày, có lắp đặt hệ thống xử lý mùi, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra đảm bảo nước thải được xử lý đáp ứng QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung khi xả ra mương hiện trạng phía Đông Dự án, trong đó gồm:

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau:

Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại) → Bể thu gom → Bể lắng cát, tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý xả ra suối hiện trạng sau nắn chỉnh tại phía Đông của dự án qua 01 cửa xả (toạ độ: X = 2372191,447 ; Y = 429719,614 ) sau đó theo địa hình chảy vào sông Công. Bố trí 01 bể chứa bùn dung tích 28,8$m^3$, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý bùn từ trạm XLNT theo quy định.

Máy móc, thiết bị trạm XLNT 220$m^3$/ngày được bố trí hoạt động luân phiên, đảm bảo vận hành thường xuyên, liên tục trạm XLNT.

Hóa chất sử dụng gồm: PAC để tăng khả năng lắng; chất dinh dưỡng để bổ sung vào bể hiếu khí và Javen khử trùng.

+ Quy trình thu gom và xử lý mùi của trạm XLNT:

Lắp đặt các ống thu khí PVC D110 tại các bể gom nước thải, bể điều hòa nước thải, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể chứa bùn → Quạt hút → 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính [kích thước DxH = (1x2)m bao gồm 02 lớp than hoạt tính, có bố trí vật liệu tách ẩm bằng vật liệu composite] → Ống thoát khí cao khoảng 3m (tính từ mặt đất).

Máy móc thiết bị: 01 quạt thu khí công suất 3.000 $m^3$/giờ (công suất 2,2kW).

Vật liệu hấp phụ: Định kỳ trung bình khoảng 6 tháng thay thế than hoạt tính trong tháp hấp phụ xử lý mùi của trạm XLNT.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Thực hiện phun nước giảm bụi tại khu vực thi công và trên tuyến đường vận chuyển gần các khu dân cư bằng xe phun nước dung tích 4$m^3$ với tần suất 4 lần/ngày, những ngày khô hanh sẽ tăng tần suất tưới để đảm bảo hạn chế phát tán bụi từ hoạt động vận chuyển.

+ Duy trì hoạt động rửa bánh xe trước khi ra khỏi phạm vi dự án; sử dụng xe có tải trọng đảm bảo phù hợp với tải trong của các tuyến đường khu vực; thực hiện che chắn thùng xe khi tham gia giao thông theo quy định.

+ Duy trì thu dọn đất cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công, đảm bảo vệ sinh, bố trí công nhân quét dọn nguyên vật liệu, đất đá rơi vãi tại khu vực thi công.

- Giai đoạn vận hành:

+ Duy trì vận hành lò hoả táng và hệ thống xử lý khí thải đồng bộ đảm bảo khí thải phát sinh từ các lò hoả táng được xử lý đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2024/BTNMT (cột A, Bảng 1 và cột A, Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi xả thải ra môi trường.

+ Duy trì vận hành hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT đảm bảo đúng quy trình; định kỳ thay thế than hoạt tính trong tháp hấp phụ để đảm bảo hiệu quả xử lý mùi phát sinh từ trạm XLNT;

+ Hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt định kỳ hàng ngày nhằm hạn chế phát sinh mùi.

+ Duy trì vệ sinh nội bộ trong khu vực dự án hạn chế phát tán bụi.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Đối với sinh khối thực vật phát quang chủ yếu là cây keo, cây ăn quả,… sẽ để các hộ dân khai thác, tận thu tối đa trước khi san gạt mặt bằng dự án; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý đối với khối lượng thực bì còn lại theo quy định.

+ Trang bị các thùng chứa rác thải sinh hoạt dung tích 120 lít, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt của công nhân trên công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Thuê đơn vị chức năng thu gom vật liệu phá dỡ các công trình xây dựng hiện trạng, chất thải rắn xây dựng để vận chuyển đi xử lý theo quy định; thuê đơn vị chức năng bơm hút bùn bể tự hoại các hộ dân bị thu hồi, phá dỡ nhà ở để thực hiện dự án trước khi thi công.

+ Nạo vét định kỳ các hố lắng nước mưa, nước rửa bánh xe theo thực tế bùn phát sinh; bùn nạo vét được tập kết trong phạm vi dự án.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

+ Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt dung tích 100 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải phát sinh từ trạm XLNT và cặn mỡ thải từ bể tách mỡ để xử lý theo quy định.

+ Bố trí các thùng chứa dung tích 1.000 lít đặt tại khu vực tập kết rác thải có diện tích 36m$^2$ đặt gần trạm XLNT để thu gom toàn bộ chất thải từ hoạt động mai táng như: Vòng hoa, tiền vàng, cốc nến, bao bì nilon, bìa carton,…; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý trong ngày theo đúng quy định.

- Tro xỉ thải phát sinh từ lò hỏa táng (đã tách riêng tro cốt) được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy tập kết vào kho chứa 10m$^2$; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải và vật liệu lọc thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải để xử lý theo đúng quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy để thu gom chất thải nguy hại phát sinh, sau đó tập kết vào kho chứa có mái che diện tích khoảng 10m$^2$ tại khu vực lán trại công nhân và hợp đồng với đơn vị chức năng đủ điều kiện vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy để thu gom chất thải nguy hại phát sinh, sau đó tập kết vào kho chứa có mái che diện tích khoảng 10m$^2$ gần khu vực bố trí trạm xử lý nước thải tập trung; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Lập kế hoạch thi công, vận chuyển phù hợp (sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công phù hợp; hạn chế sử dụng các thiết bị có tiếng ồn và độ rung lớn vào ban đêm và hạn chế vận chuyển trong các giờ cao điểm) nhằm hạn chế, giảm hiểu tác động ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung đến đời sống của nhân dân xung quanh khu vực, dọc tuyến đường vận chuyển.

- Giai đoạn dự án đi vào vận hành: Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của trạm XLNT, hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT, trạm bơm cục bộ nước thải và hoạt động của máy phát điện dự phòng đảm bảo các thiết bị vận hành ổn định, hạn chế phát sinh tiếng ồn.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Phối hợp với chính quyền địa phương và cac đơn vị chức năng thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng bằng theo quy định.

- Tận dụng toàn bộ khoảng 95.400$m^3$ đất bóc hữu cơ và bùn tập kết vào diện tích cây xanh để trồng cây, không vận chuyển ra ngoài phạm vi dự án.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về khoáng sản đối với khối lượng đất đào trước khi triển khai thi công, trong đó tận dụng khoảng 120.410$m^3$ đất đào từ quá trình san nền để san nền thực hiện dự án; khối lượng còn lại khoảng 2.647.735$m^3$ sẽ được cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu đất san lấp mặt bằng.

- Thi công hạ ngầm tuyến đường dây điện 35kV đoạn đi qua dự án đảm bảo cung cấp điện tại khu vực theo văn bản số 5894/PCTN-KT ngày 08/10/2026 của Công ty Điện lực Thái Nguyên

- Thi công xây dựng mới tuyến kênh thuỷ lợi bằng kênh bê tông B400, dài khoảng 400m nằm sát ranh giới phía Đông Nam đấu nối hệ thống cấp nước tưới từ kênh đập Líp phục vụ sản xuất nông nghiệp cho diện tích 4,43ha của Tổ dân phố Thống Thượng theo đúng nội dung Văn bản số 1801/CV-UBND ngày 02/10/2026 UBND phường Phúc Thuận đảm bảo cung cấp nước tưới trước khi phá dỡ tuyến kênh thuỷ lợi hiện trạng.

- Thi công nắn chỉnh, hoàn trả suối hiện trạng dài khoảng 1,2km tại phía Đông Bắc dự án có bề rộng mặt nước từ 2-3m bằng kênh đất có mặt cắt hình thang bxHxB = (2x2x6)m, dài khoảng 825m nằm sát ranh giới phía Đông Bắc của dự án, đảm bảo tiêu thoát nước của khu vực trước khi san lấp suối hiện trạng để thực hiện dự án.

- Tổ chức thi công san nền, tập kết vật liệu thi công đúng ranh giới nhằm hạn chế, giảm thiểu tối đa nguy cơ trượt sạt đất, vật liệu thi công xuống suối hiện trạng chạy qua phạm vi dự án và hồ Cô Vinh tiếp giáp dự án; thường xuyên theo dõi nguy cơ xói, lở, bồi, lắng suối hiện trạng sau khi nắn chỉnh để kịp thời bổ sung các giải pháp cải tạo, nâng cấp, mở rộng hạn chế nguy cơ bồi lấp, úng ngập tại khu vực.

- Bố trí các hố lắng, đào rãnh thoát nước tạm thời và duy trì việc nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước tạm để định hướng dòng chảy trong quá trình thi công nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo thành phần ô nhiễm ra môi trường. Thực hiện ngay các biện pháp tiêu thoát nước khắc phục ngập úng và đền bù thiệt hại theo quy định (nếu có) trong trường hợp xảy ra tình trạng ngập úng, trượt sạt đất ra khu vực xung quanh do hoạt động thi công của dự án gây ra.

- Bố trí các thiết bị cảnh báo, biển báo giao thông, phối hợp với đơn vị có chức năng phân luồng giao thông trên các tuyến đường tại khu vực phục vụ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, phế thải xây dựng và hoạt động vận chuyển đất đào từ hoạt động sn nền của dự án; thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát; phối hợp với chính quyền địa phương duy tu, sửa chữa các tuyến đường bị xuống cấp do hoạt động thi công, vận chuyển của dự án.

4.4.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Thường xuyên nạo vét hệ thống mương rãnh thoát nước mưa xung quanh các khu vực dự án để đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực.

- Thường xuyên theo dõi nguy cơ xói, lở, bồi, lắng suối hiện trạng sau khi nắn chỉnh để kịp thời bổ sung các giải pháp cải tạo, nâng cấp, mở rộng hạn chế nguy cơ bồi lấp, úng ngập, đảm bảo đáp ứng việc tiêu thoát nước tại khu vực.

- Bố trí cán bộ chuyên trách quản lý khu tập kết, thu gom chất thải của dự án; cán bộ quản lý vận hành trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị của trạm XLNT, hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT để phòng ngừa sự cố; thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành nắm rõ quy trình vận hành hệ thống, nhận biết các dấu hiệu dẫn đến sự cố và các biện pháp xử lý khi có sự cố xảy ra.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định; lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy chữa cháy trước khi đưa vào vận hành.

- Lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các động xấu đến môi trường và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện dự án.

5.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình thi công xây dựng, quá trình hoạt động và hoàn phục môi trường:

- Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát chất lượng môi trường không khí, giám sát tiếng ồn, độ rung; giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; giám sát rủi ro, sự cố từ các hoạt động của dự án.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ đối với nước thải, khí thải theo quy định tại Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026).

- Giám sát chất thải thông thường và chất thải nguy hại: Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định; định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhất là các thông tin, số liệu về khoảng cách an toàn đối với công trình lò hoả táng và các khu mộ cát táng.

- Đảm bảo sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng các công trình của dự án, đặt biệt là việc đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định đối với công trình lò hoả táng và các khu vực nghĩa trang cát táng; tự chịu trách nhiệm thoả thuận, thống nhất đền bù giải phóng mặt bằng, di dời các hộ dân để đảm bảo đáp ứng khoảng cách an toàn theo quy định; chỉ được hoạt động khi đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định.

- Thực hiện công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên cổng thông tin của Chủ dự án hoặc bằng hình thức khác theo quy định tại khoản 5 Điều 37 và Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đúng quy định của Luật Địa chất khoáng sản và các quy định có liên quan đối với khối lượng đất đào từ quá trình san nền được tận dụng để san nền tại dự án và khối lượng đất đào được cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu.

- Lập kế hoạch tổ chức thi công trước khi triển khai thi công dự án, trong đó làm rõ phương án vận chuyển đất đào ra ngoài phạm vi dự án và phương án vận chyển nguyên vật liệu xây dựng, tuyến đường vận chuyển, tải trong xe quy định nhằm hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực và các nguy cơ gây ùn tắc, hư hỏng, xuống cấp các tuyến đường giao thông xung quanh khu vực dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới khu vực thi công và công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của dự án trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng; thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển đất, nguyên vật liệu thi công đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát.

- Tập kết nguyên vật liệu và thi công san nền đúng ranh giới, đảm bảo không để trượt sạt, bồi lấp đất, nguyên vật liệu xuống hệ thống thoát nước khu vực. Tuyệt

đối không đổ thải hoặc để cuốn trôi đất đá, nguyên vật liệu, chất thải xây dựng xuống suối hiện trạng sau nắn chỉnh để đảm bảo tiêu thoát nước của khu vực; tuyệt đối không để đất đá, nguyên vật liệu tràn đổ xuống hồ Cô Vinh.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh, trật tự xã hội, an toàn giao thông trong quá trình thi công xây dựng dự án; thường xuyên trao đổi, tham vấn, tiếp thu ý kiến phản ánh của nhân dân khu vực đối với các tác động ảnh hưởng từ các hoạt động của dự án để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện.

- Xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung khi xả ra môi trường.

- Duy trì vận hành 05 hệ thống xử lý khí thải đồng bộ với 05 lò hỏa táng đảm bảo khí thải sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2024/BTNMT (cột A, Bảng 1 và cột A, Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

- Thường xuyên theo dõi nguy cơ xói, lở, bồi, lắng suối hiện trạng sau khi nắn chỉnh để kịp thời bổ sung các giải pháp cải tạo, nâng cấp, mở rộng hạn chế nguy cơ bồi lấp, úng ngập tại khu vực.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.